

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ T  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/KDTM-ST

Ngày: 21/5/2021

V/v tranh chấp hợp đồng mua

bán hàng hóa

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Huỳnh Minh Trí

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Ngọc Phương;

2. Bà Nguyễn Ngọc Hồng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Phạm Thanh Trang - cán bộ Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Lý Loan, Kiểm sát viên.

Vào ngày 21 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 64/2020/TLST-KDTM ngày 30 tháng 11 năm 2020 về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXX-KDTM ngày 16 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty cổ phần bê tông A; trụ sở: Lô 84, đường số 5, Phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Vũ Nguyễn Hoài P, sinh năm 1996; trú tại: Tổ dân phố 9, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ( văn bản ủy quyền ngày 29/10/2020), có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

*Bị đơn:* Công ty đầu tư xây dựng thương mại kết cấu thép M; trụ sở: Ô 14 – DC 05 đường 18 KCN V, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Bà Nguyễn Thị C – chức vụ giám đốc là người đại diện theo pháp luật của bị đơn, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Đơn khởi kiện ngày 29/10/2020, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Công ty cổ phần bê tông A (gọi tắt là A) và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng thương mại kết cấu thép M (gọi tắt là M) có ký hợp đồng mua bán bê tông số 059-2019/HĐBT ngày 03/4/2019 cung cấp bê tông cho công trình Công ty N, tọa lạc tại Đại lộ Độc lập, Sóng Thần I, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

A xuất tổng cộng 13 hóa đơn GTGT cho M. M đã thanh toán đầy đủ cho 09 hóa đơn còn 004 hóa đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, gồm:

- 1/ Hóa đơn số 0011642 ngày 27/11/2019 với số tiền 45.200.000 đồng.
- 2/ Hóa đơn số 0011754 ngày 30/11/2019 với số tiền 6.900.000 đồng.
- 3/ Hóa đơn số 0012277 ngày 31/12/2019 với số tiền 4.520.000 đồng.
- 4/ Hóa đơn số 0012278 ngày 31/12/2019 với số tiền 24.150.000 đồng.

Theo quy định về thời hạn thanh toán theo khoản 4.2 Điều 4 hợp đồng 59: “Bên B thanh toán cho bên A 100% giá trị đơn hàng trước khi cấp hàng 02 ngày”. Tuy nhiên, vì các đợt giao hàng trước M đều thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nên kể từ ngày cung cấp hàng sau ngày 11/5/2019, A chấp nhận giao hàng trước và M thực hiện thanh toán sau khi nhận được hóa đơn. Ngày thanh toán cuối mà M thực hiện nghĩa vụ là ngày 11/11/2019. Sau ngày 11/11/2019, phát sinh thêm 4 hóa đơn GTGT (A căn cứ vào Phiếu giao hàng và biên bản xác nhận khối lượng để xuất cho M). Tuy nhiên khi gửi các hóa đơn đến cho M thì M không có động thái ký trả liên xanh cho A và đồng thời không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho 04 hóa đơn nói trên.

Tại khoản 3.4 Điều 3 Hợp đồng 59, hai bên thỏa thuận cơ sở thanh toán tiền mua bê tông là căn cứ vào biên bản xác nhận khối lượng đã ký giữa hai bên. Tại Điều 5 Hợp đồng 59 nghĩa vụ của M là thanh toán đúng thỏa thuận. Căn cứ tại các biên bản xác nhận khối lượng đã cung cấp, chứng minh rằng M đã đồng ý và khối lượng bê tông đã cấp phải được thanh toán. Vì vậy, A đã tiến hành xuất hóa đơn và kê khai thuế đối với hóa đơn đã xuất cho M. Tuy nhiên M đã không có thái độ hợp tác khi không ký nhận hóa đơn thanh toán. Qua nhiều lần được nhân viên A liên hệ điện thoại nhắc nhở nhưng M vẫn luôn trốn tránh và không có thiện chí thực hiện nghĩa vụ của mình. Công ty cổ phần bê tông A khởi kiện đề nghị Công ty cổ phần đầu tư xây dựng thương mại kết cấu thép M thanh toán cho Công ty cổ phần bê tông A số công nợ còn lại chưa thanh toán là 80.770.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật tính từ 30/12/2019 đến khi xét xử.

Quá trình tố tụng bị đơn đều vắng mặt.

***Tại phiên Tòa: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai đối với việc xét xử.***

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

+ Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với việc xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, không đến tham gia phiên tòa xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”

+ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty cổ phần bê tông A khởi kiện Công ty cổ phần đầu tư xây dựng thương mại kết cấu thép M yêu cầu thanh toán số tiền 80.770.000 đồng tiền nợ do mua bán hàng hóa (bê tông) . Do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn – Công ty cổ phần bê tông A khởi kiện bị đơn – Công ty cổ phần đầu tư xây dựng thương mại kết cấu thép M có nơi cư trú tại phường An Phú, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T được quy định tại Khoản 3 Điều 26 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với việc xét xử nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[4] Công ty cổ phần bê tông A khởi kiện Công ty cổ phần đầu tư xây dựng thương mại kết cấu thép M yêu cầu thanh toán số tiền gốc 80.770.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật tính từ 30/12/2019 đến khi xét xử do Công ty cổ phần đầu tư xây dựng thương mại kết cấu thép M mua bê tông của Công ty cổ phần bê tông A còn nợ lại. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn là:

1/ Hợp đồng mua bán bê tông số 59 ngày 3/4/2019

2/ Hóa đơn số 0011642 ngày 27/11/2019 với số tiền 45.200.000 đồng.

3/ Hóa đơn số 0011754 ngày 30/11/2019 với số tiền 6.900.000 đồng

4/ Hóa đơn số 0012277 ngày 31/12/2019 với số tiền 4.520.000 đồng

5/ Hóa đơn số 0012278 ngày 31/12/2019 với số tiền 24.150.000 đồng.

6/ Biên bản xác nhận khối lượng bê tông ngày 23/11/2019, 26/11/2019; 01/12/2019

7/ Phiếu giao nhận bê tông ngày 29/11/2019 số 3067525; 27/11/2019 số 3067322; ngày 23/11/2019 số 3067104, số 3067108; 26/11/2019 số 3067226, số 3067235, số 3067225, số 3067224, số 3067240, 3067233; ngày 28/12/2019 số 3069149; ngày 02/12/2019 số 3067694; ngày 02/12/2019 số 3067687; ngày 02/12/2019 số 3067683; 01/12/2019 số 3067652

8/ Tờ khai thuế ngày 20/12/2019, 20/01/2020

Nguyên đơn khai giữa nguyên đơn và bị đơn thiết lập quan hệ mua bán hàng hóa (bê tông). Bên nguyên đơn là bên bán, bị đơn là bên mua. Quá trình mua bán bên phía bị đơn còn nợ lại nguyên đơn số tiền trên.

Xét chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp đồng mua bán số 59 ngày 3/4/2019. Hợp đồng có thể hiện giá cả hàng hóa, khối lượng hàng hóa mua bán, giá trị hợp đồng, chất lượng và quy cách sản phẩm, phương thức giao nhận, phương thức và thời hạn thanh toán, trách nhiệm của các bên, bên dưới có chữ ký của nguyên đơn và bị đơn nên có căn cứ xác định hai bên có thực hiện giao dịch mua bán như nguyên đơn trình bày.

Đối tượng mà hai bên tiến hành giao dịch là bê tông. Việc kinh doanh mua bán mặt hàng này bên nguyên đơn được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nên giao dịch này là phù hợp pháp luật.

Xét các hóa đơn số 0011642 ngày 27/11/2019 với số tiền 45.200.000 đồng, số 0011754 ngày 30/11/2019 với số tiền 6.900.000 đồng, số 0012277 ngày 31/12/2019 với số tiền 4.520.000 đồng, số 0012278 ngày 31/12/2019 với số tiền 24.150.000 đồng; Biên bản xác nhận khối lượng bê tông ngày 23/11/2019, 26/11/2019; 01/12/2019; phiếu giao nhận bê tông ngày 29/11/2019 số 3067525; 27/11/2019 số 3067322; ngày 23/11/2019 số 3067104, số 3067108; 26/11/2019 số 3067226, số 3067235, số 3067225, số 3067224, số 3067240, 3067233; ngày 28/12/2019 số 3069149; ngày 02/12/2019 số 3067694; ngày 02/12/2019 số 3067687; ngày 02/12/2019 số 3067683; 01/12/2019 số 3067652 thể hiện bên bị đơn có nhận số lượng bê tông như nguyên đơn trình bày. Bên nguyên đơn đã xuất hóa đơn GTGT cho bị đơn, tất cả các hóa đơn đã xuất cho bị đơn nguyên đơn đều có khai thuế với Cơ quan thuế. Bị đơn không đưa ra được chứng cứ nào xác định đã thanh toán hết tiền công nợ nên xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ của người mua hàng nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ với số tiền 80.770.000 đồng tiền mua hàng hóa (bê tông) là có căn cứ chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với số tiền chậm trả trên số nợ gốc tính từ ngày 13/01/2020 với mức lãi suất theo quy định pháp luật, thấy rằng: Theo biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thành phố T tại thời điểm tháng 5/2021 mức lãi suất quá hạn của 3 ngân hàng gồm : Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (chi nhánh thị xã Dĩ An- Sóng thần) thể hiện lãi suất vay ngắn hạn hiện nay là 7%/năm và lãi suất nợ quá hạn là 10,5%/năm; tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (phòng giao dịch Lái Thiêu) lãi suất vay ngắn hạn hiện nay là 9,5%/năm và lãi suất nợ quá hạn là 14,25%/năm và Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (chi

nhánh Bình Dương) thể hiện lãi suất vay ngắn hạn hiện nay là 8%/năm và lãi suất nợ quá hạn là 12%/năm nên mức lãi quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán là  $10,5\% + 14,25\% + 12\% = 36,75\% : 3 = 12,25\% : 12 \text{ tháng} = 1,02\%/\text{tháng}$ .

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ 13/01/2020 đến 21/5/2021 là 494 ngày.

$80.770.000 \text{ đồng} \times 1,02\%/\text{tháng} \times 494 \text{ ngày} = 13.577.123 \text{ đồng}$ .

Tổng số tiền gốc và tiền lãi phải trả.

$80.770.000 \text{ đồng} + 13.577.123 \text{ đồng} = 94.347.123 \text{ đồng}$ .

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng:

- Các Điều 30, 35, 39, 244, 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự
- Các Điều 24, 25, 50, 55, 306 Luật thương mại 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần bê tông A đối với Công ty đầu tư xây dựng thương mại kết cấu thép M về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”

+ Công ty đầu tư xây dựng thương mại kết cấu thép M phải trả cho Công ty cổ phần bê tông A số tiền 94.347.123 (chín mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn một trăm hai mươi ba) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Công ty đầu tư xây dựng thương mại kết cấu thép M phải chịu 4.717.356 (bốn triệu bảy trăm mười bảy nghìn ba trăm năm mươi sáu) đồng.

Công ty cổ phần bê tông A không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho Công ty cổ phần bê tông A số tiền 2.269.132 (hai triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn một trăm ba mươi hai) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0053259 ngày 26/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Chánh án (để báo cáo);
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Huỳnh Minh Trí**